

Nghị quyết số: .../2025/QH15

DỰ THẢO 18.9.2025.16h30**NGHỊ QUYẾT****Về một số cơ chế, chính sách đặc thù để thực hiện
đột phá phát triển giáo dục và đào tạo****QUỐC HỘI**

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

QUYẾT NGHỊ:**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Nghị quyết này quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

2. Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, các tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

1. Bảo đảm phù hợp với Hiến pháp; thống nhất, đồng bộ với quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tại Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

2. Cho phép có quy định khác với một số quy định của pháp luật hiện hành nhằm thiết lập cơ chế đặc thù, tạo hành lang pháp lý thúc đẩy đổi mới, sáng tạo, nâng cao chất lượng và hiệu quả phát triển giáo dục, đào tạo.

3. Việc thực hiện theo nguyên tắc thí điểm, gắn với tổng kết, đánh giá làm cơ sở để xem xét, quyết định luật hóa; bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả; phòng, chống tham nhũng, lãng phí; ngăn chặn biểu hiện tiêu cực, lợi ích nhóm trong triển khai.

4. Bảo đảm cơ chế khuyến khích, ưu đãi phù hợp để khơi thông và sử dụng hiệu quả nguồn lực cho phát triển giáo dục, đào tạo; đồng thời có xem xét loại

trừ, miễn trách nhiệm dân sự đối với các rủi ro khách quan phát sinh trong quá trình thực hiện.

5. Bảo đảm trách nhiệm giải trình và hiệu quả trong quản lý nhà nước; tăng cường sự giám sát của Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và của toàn xã hội trong quá trình tổ chức thực hiện.

Điều 3. Tổ chức hệ thống, nhân lực và quản trị cơ sở giáo dục

1. Tiếp tục sắp xếp, tái cấu trúc cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập (trừ cơ sở trực thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng) theo hướng giảm đầu mối, gắn quản lý chuyên môn với tổ chức, nhân sự, tài chính; xóa bỏ cấp trung gian, bảo đảm tinh gọn, hiệu quả. Bộ Giáo dục và Đào tạo trực tiếp quản lý các đại học, trường đại học trọng điểm, đồng thời bảo đảm trao quyền tự chủ toàn diện về tổ chức, nhân sự, học thuật cho các cơ sở giáo dục đại học, không phụ thuộc vào mức độ tự chủ tài chính. Giao Bộ Y tế, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý một số cơ sở chuyên sâu, đặc thù; chuyển các cơ sở còn lại về địa phương gắn với nhu cầu phát triển nhân lực tại chỗ; nghiên cứu sáp nhập viện nghiên cứu với cơ sở giáo dục đại học, bảo đảm hệ thống thống nhất, hiện đại.

2. Cơ quan quản lý trực tiếp bổ nhiệm nhân sự người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập phù hợp với quy định của Đảng và Pháp luật có liên quan.

3. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo có thẩm quyền tuyển dụng, tiếp nhận, điều động, chuyển chuyển, biệt phái nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên trong các cơ sở giáo dục; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, cách chức người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông trên địa bàn cấp tỉnh.

4. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo là những người có chuyên môn đào tạo và có kinh nghiệm phù hợp ngành giáo dục. Cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm lấy ý kiến hiệp ý với Bộ Giáo dục và Đào tạo trước khi bổ nhiệm Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

5. Chính sách nhân lực đặc thù trong ngành giáo dục:

a) Chính phủ quy định chế độ phụ cấp ưu đãi đặc thù đối với nhà giáo, bảo đảm mức tối thiểu theo Nghị quyết số 71-NQ/TW: 70% đối với giáo viên mầm non, phổ thông; 30% đối với nhân viên trường học; 100% đối với nhà giáo công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

b) Các địa phương xây dựng và áp dụng cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ linh hoạt, cạnh tranh đối với nhân lực giáo dục, có thể không phụ thuộc vào hệ thống thang bảng lương viên chức chung, để thu hút và trọng dụng

chuyên gia đầu ngành, nhà khoa học quốc tế, trí thức người Việt Nam ở nước ngoài;

c) Thực hiện cơ chế đồng cơ hữu đối với nhân lực giáo dục để sử dụng tối ưu nguồn nhân lực từ các cơ sở giáo dục, cơ sở nghiên cứu, doanh nghiệp. Chính phủ quy định chi tiết điều kiện, chế độ và trách nhiệm của các bên.

6. Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đủ số lượng, đồng bộ về cơ cấu, vững vàng về phẩm chất, giỏi về chuyên môn, đạt chuẩn khu vực và quốc tế; đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện và hội nhập quốc tế.

Điều 4. Tài chính và đầu tư

1. Ngân sách nhà nước hằng năm bảo đảm tỷ lệ chi cho giáo dục và đào tạo tối thiểu 20% tổng chi ngân sách nhà nước; trong đó chi đầu tư phát triển không thấp hơn 5% và chi cho giáo dục đại học không thấp hơn 3% tổng chi ngân sách nhà nước.

2. Ngân sách nhà nước ưu tiên bố trí cho giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các nhóm yếu thế; đồng thời bảo đảm đầu tư thích đáng cho giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên theo định hướng phát triển nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu đổi mới sáng tạo, khoa học - công nghệ.

3. Nhà nước xây dựng cơ chế tài chính đặc biệt để:

a) Bảo đảm điều kiện cần thiết cho các cơ sở giáo dục đại học trọng điểm, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nhân lực chất lượng cao, phục vụ nhiệm vụ chiến lược, ưu tiên của quốc gia.

b) Tăng cường đầu tư, hỗ trợ các nhiệm vụ khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo trong giáo dục, bảo đảm có nguồn ngân sách riêng trong chi thường xuyên và đầu tư phát triển.

c) Bố trí kinh phí cho các hoạt động giáo dục văn hóa, xã hội, thể thao, quốc phòng - an ninh và ngoại ngữ để hội nhập quốc tế, quảng bá hình ảnh, nâng cao vị thế quốc gia.

4. Khuyến khích xã hội hóa, huy động nguồn lực hợp pháp từ tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài để phát triển giáo dục; bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả; đồng thời cho phép áp dụng cơ chế, thủ tục rút gọn đối với một số dự án đầu tư công quan trọng trong lĩnh vực giáo dục.

5. Nhà nước bảo đảm ngân sách trung ương để cung cấp miễn phí sách giáo khoa cho học sinh các cơ sở giáo dục phổ thông công lập, phấn đấu hoàn thành mục tiêu này trước năm 2030 và cung cấp miễn phí giáo trình, miễn học

phí đối với môn Giáo dục quốc phòng và an ninh tại các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp.

6. Chính phủ quy định cơ chế ưu đãi đầu tư vượt trội cho giáo dục, bao gồm:

a) Quy định diện tích tối thiểu, quy chuẩn, tiêu chuẩn cơ sở vật chất giáo dục từng bước tiệm cận khu vực, quốc tế;

b) Ưu tiên quỹ đất sạch cho phát triển giáo dục, cho phép chuyển đổi phù hợp mục đích sử dụng đất sang đất giáo dục;

c) Tập trung giải phóng mặt bằng, giao đất sạch cho các dự án giáo dục, đào tạo; thực hiện miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế sử dụng đất đối với cơ sở giáo dục trong nước theo quy định của pháp luật, phù hợp khả năng cân đối ngân sách;

d) Không áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp đối với cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận theo quy định pháp luật thuế hiện hành;

e) Ưu tiên sử dụng trụ sở cơ quan nhà nước dôi dư sau sắp xếp cho cơ sở giáo dục; cho phép cho thuê công trình thuộc sở hữu nhà nước đối với cơ sở giáo dục tư thực theo quy định của pháp luật.

7. Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội và Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh được giao thẩm quyền quyết định đầu tư các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn, trong phạm vi dự toán ngân sách được Thủ tướng Chính phủ giao và thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công như Thủ trưởng các cơ quan trung ương khác được quy định trong Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 5. Chương trình, nội dung và cơ chế phát triển giáo dục

1. Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục:

a) Quyết định các chủ trương lớn có ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ học tập của công dân trong phạm vi cả nước;

b) Quyết định cải cách nội dung chương trình của từng cấp học; quyết định việc áp dụng đại trà chính sách mới trong giáo dục đã được thí điểm thành công, khi việc áp dụng đó ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ học tập của công dân trên phạm vi cả nước;

c) Quy định cơ chế khuyến khích và chính thức hóa mô hình đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp; cơ chế đồng tài trợ, đồng phát triển chương trình và công nhận kết quả học tập, kỹ năng do doanh nghiệp tổ chức đào tạo, phù hợp với pháp luật;

d) Quy định, tổ chức vận hành hệ thống quốc gia về công nhận kết quả

học tập, tin chỉ, chứng chỉ và kỹ năng tích lũy từ nhiều hình thức học tập, bảo đảm tính liên thông trong hệ thống giáo dục quốc dân, thúc đẩy học tập suốt đời và hội nhập quốc tế.

2. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo:

a) Hằng năm báo cáo Chính phủ về hoạt động giáo dục và việc thực hiện ngân sách giáo dục; chỉ đạo đổi mới chương trình giáo dục mầm non nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện của trẻ em ngay từ giai đoạn đầu;

b) Cho phép một số cơ sở giáo dục trọng điểm và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thí điểm triển khai chương trình giáo dục đổi mới, bao gồm: chương trình tích hợp, STEM/STEAM, song ngữ, quốc tế; việc thẩm định, phê duyệt chương trình được thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Cho phép cơ sở giáo dục đại học xây dựng chương trình đào tạo mở, linh hoạt, gắn kết đào tạo với nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và nhu cầu thị trường lao động; bảo đảm chuẩn đầu ra, kiểm định chất lượng và công nhận quốc tế.

Điều 6. Chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong giáo dục

1. Thực hiện thí điểm mô hình hợp tác giữa Nhà nước, nhà trường và doanh nghiệp để xây dựng Nền tảng giáo dục quốc gia thông minh, gồm nền tảng quản trị cơ sở giáo dục và nền tảng dạy học ứng dụng trí tuệ nhân tạo có kiểm soát, bảo đảm mỗi học sinh có một gia sư ảo, mỗi giáo viên có một trợ lý ảo, nhằm cá nhân hóa việc học tập, đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá phù hợp với ngôn ngữ, văn hóa và pháp luật Việt Nam.

2. Phát triển hệ thống thông tin giáo dục và nhân lực quốc gia, bảo đảm kết nối, liên thông với hệ thống thông tin thị trường lao động, việc làm và tích hợp dữ liệu về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo của các cơ sở giáo dục, phục vụ đánh giá, dự báo cung – cầu nhân lực, nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và chất lượng giáo dục, đào tạo.

3. Thí điểm sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước để thu hút chuyên gia, nhà khoa học có trình độ cao ở nước ngoài tham gia nghiên cứu, phát triển công nghệ chiến lược tại các cơ sở giáo dục đại học.

4. Thí điểm triển khai mô hình giáo dục đại học số; liên kết, khai thác chung nguồn lực giữa các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả đào tạo.

5. Xây dựng cơ chế hợp tác giữa Nhà nước, nhà trường và doanh nghiệp để đầu tư phát triển phòng thí nghiệm dùng chung, tăng cường đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, ưu tiên các lĩnh vực công nghệ chiến

lược.

Điều 7. Quỹ học bổng Quốc gia

1. Thành lập Quỹ học bổng quốc gia (sau đây gọi là Quỹ), trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Nguồn hình thành Quỹ gồm: ngân sách nhà nước; đóng góp, tài trợ, viện trợ của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Nhiệm vụ của Quỹ:

- a) Cấp học bổng tài năng, hỗ trợ phát triển nhân lực chất lượng cao;
- b) Khuyến khích, hỗ trợ học tập, nghiên cứu của học sinh, sinh viên, nhà giáo;
- c) Phát huy hiệu quả các quỹ khuyến tài, khuyến học khác từ nguồn ngân sách và xã hội hóa theo quy định của pháp luật.

4. Chính phủ ban hành quy chế tổ chức, quản lý và sử dụng Quỹ, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, có kiểm toán độc lập; đồng thời quy định trách nhiệm phối hợp, giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan.

Điều 8. Hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo

1. Thí điểm cơ chế miễn thị thực và miễn giấy phép lao động trong thời gian 05 năm cho các chuyên gia, nhà khoa học là người nước ngoài có trình độ Tiến sĩ làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Một số cơ sở giáo dục đại học trọng điểm được phép xác nhận trường hợp chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài có trình độ tiến sĩ được mời làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật tại cơ sở mình không thuộc diện phải cấp giấy phép lao động.

Việc xác nhận của cơ sở giáo dục đại học thay thế thủ tục xin xác nhận tại cơ quan có thẩm quyền ở địa phương. Cơ sở giáo dục đại học chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của văn bằng, chứng chỉ và điều kiện làm việc của chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài theo quy định của pháp luật.

3. Các trường hợp người nước ngoài vào làm việc tại các cơ sở giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động được miễn thủ tục hành chính cấp giấy xác nhận tại cấp có thẩm quyền ở địa phương.

4. Cơ sở giáo dục đại học được tự tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế trong các ngành, lĩnh vực đặc thù theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo mà không phải xin phép. Cơ sở giáo dục đại học có trách nhiệm thông báo

bằng văn bản về kế hoạch tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tới Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức; việc thông báo được thực hiện theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

5. Khuyến khích cơ sở giáo dục đại học Việt Nam và cơ sở giáo dục đại học nước ngoài thuộc nhóm 500 cơ sở giáo dục đại học được xếp thứ hạng cao nhất trong các bảng xếp hạng cơ sở giáo dục đại học có uy tín trên thế giới của một trong ba năm gần nhất liên kết thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam theo phương thức đối tác công tư (PPP) trong lĩnh vực giáo dục.

6. Cho phép sinh viên quốc tế làm việc tối đa 20 giờ/tuần trong thời gian học tập, nghiên cứu tại Việt Nam.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đại biểu dân cử giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo thẩm quyền.

2. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước trong việc triển khai Nghị quyết; ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao; chỉ đạo, đôn đốc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp xây dựng kế hoạch hành động, tổ chức thực hiện và định kỳ báo cáo Quốc hội..

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo

Tham mưu cơ quan có thẩm quyền phương án tổ chức lại hoạt động của các tổ chức Đảng trong các cơ sở giáo dục đại học công lập.

Chủ trì, chịu trách nhiệm tham mưu, tổng hợp, theo dõi, đánh giá việc thực hiện; định kỳ báo cáo Chính phủ và Quốc hội.

4. Bộ Tài chính

Chủ trì bảo đảm nguồn lực tài chính cho giáo dục và đào tạo; phân bổ ngân sách theo quy định tại Điều 4; xây dựng cơ chế tài chính cho Quỹ Đổi mới và Phát triển giáo dục Quốc gia; bố trí vốn đầu tư phát triển cho các chương trình, dự án giáo dục, trong đó có hình thức đối tác công tư (PPP); đồng thời phối hợp với Bộ Giáo dục và các cơ quan liên quan lồng ghép mục tiêu của Nghị quyết vào kế hoạch tài chính, kế hoạch đầu tư công và quy hoạch quốc gia.

5. Bộ Nội vụ

Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo trong hướng dẫn cơ chế, chính sách về tuyển dụng, sử dụng, quản lý nhân lực ngành giáo dục; đồng thời đề xuất tiêu chuẩn, định mức biên chế, cơ chế đánh giá và chính sách đãi ngộ phù hợp Luật Nhà giáo với yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

6. Bộ Khoa học và Công nghệ

Xây dựng, triển khai chương trình nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo trong giáo dục; bảo đảm hạ tầng số, an ninh mạng, kết nối dữ liệu giáo dục với cơ sở dữ liệu quốc gia; phối hợp với Bộ Giáo dục ứng dụng và phát triển công nghệ mới (AI, Big Data, IoT, VR/AR, mô phỏng số) trong giảng dạy, học tập và quản lý.

7. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Tổ chức triển khai Nghị quyết tại địa phương; quy hoạch, bố trí nguồn lực, đất đai, chính sách hỗ trợ nhà giáo, học sinh, sinh viên; định kỳ báo cáo Chính phủ và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ khác trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp thực hiện và lồng ghép mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án có liên quan.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2025.

2. Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết này với luật hoặc nghị quyết khác của Quốc hội thì áp dụng quy định của Nghị quyết này.

3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật khác có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc thuận lợi hơn so với Nghị quyết này thì áp dụng theo quy định tại văn bản đó.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày....tháng.....năm 2025.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn